|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **TRƯỜNG ĐH THỦ ĐÔ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**Ngành: Giáo dục công dân**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTĐHN, ngày / /2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)*

**1. Thông tin chung**

- Ngành đào tạo: **Giáo dục công dân**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**

- Tên văn bằng tốt nghiệp: **Cử nhân**

+ Tiếng Việt: ***Cử nhân Giáo dục công dân***

+ Tiếng Anh: ***Civic Education***

- Thời gian đào tạo chuẩn: **4 năm**

- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

*Đối tượng người học:*Là học sinh THPT đáp ứng yêu cầu tuyển sinh đại học được tuyển vào ngành Giáo dục công dân trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

**2. Chuẩn đầu ra:** Sinh viên ngành Giáo dục công dân được đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng trình độ Đại học, sau khi tốt nghiệp phải đạt những tiêu chuẩn sau:

***2.1. Chuẩn phẩm chất***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | **Giá trị đặc trưng** | |
| *2.1.1. Phẩm chất công dân toàn cầu* | - Tôn trọng sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, quốc gia, dân tộc giữa các cộng đồng khác nhau.  - Biết cách thể hiện các giá trị cá nhân, độc lập, tự chủ và tôn trọng giá trị cá nhân, quyền con người của người khác.  - Có hiểu biết về cơ chế kết nối, quản trị thế giới giữa các quốc gia, giữa các cộng đồng, hiểu biết và tôn trọng những giá trị tinh hoa của thế giới.  - Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.  - Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.  - Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa. | |
| *2.1.2. Phẩm chất công dân Việt Nam* | - Yêu nước, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa  - Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và lí tưởng cách mạng của Đảng  - Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  - Có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; sống trung thực, nhân ái, có trách nhiệm và hành động vì cộng đồng  - Có ý thức xây dựng và quảng bá hình ảnh tốt đẹp về đất nước, con người Việt Nam với thế giới | |
| *2.1.3. Phẩm chất công dân Thủ đô* | - Có tinh thần thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch của người Hà Nội; thực hiện tốt các quy tắc ứng xử nơi công cộng, công sở của Hà Nội  - Có ý thức tự hào, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, nhân văn của Thăng Long - Hà Nội; có ý thức quảng bá hình ảnh tốt đẹp về Thủ đô Hà Nội với nhân dân trong nước và khách quốc tế  - Chủ động thích ứng với những biến đổi, phát triển về kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô Hà Nội | |
| *2.1.3. Phẩm chất phục vụ nghề nghiệp* | | - Yêu nghề, tự hào về nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao  - Chấp hành các quy chế, quy định của ngành GD- ĐT  - Khách quan, công tâm, yêu thương, tôn trọng học sinh  - Có tinh thần trách nhiệm trong công việc  Có ý thức đưa ra các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công việc |
| *2.1.4. Phẩm*  *chấtchuyên môn* | | - Nắm vững phương pháp dạy Giáo dục công dân, có kiến thức nghiệp vụ sư phạm về: kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, tổ chức hoạt động dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục, dự giờ, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn GDCD.  - Có kiến thức về nghiệp vụ công tác Đoàn, Đội, công tác chủ nhiệm lớp  - Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học để có đủ năng lực làm đề tài khoa học chính trị và khoa học giáo dục, viết khóa luận tốt nghiệp  - Biết vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề thực tiễn xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa cho HS  - Có tác phong làm việc khoa học, làm việc nhóm, làm việc độc lập phù hợp với phẩm chất, đạo đức của người GV GDCD |

***2.2. Chuẩn Năng lực***

*2.2.1. Năng lực chung*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên năng lực** | **Biểu hiện của năng lực** | **Thang đo năng lực** |
| *2.2.1.1. Ngoại ngữ* | - Có thể hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày.  - Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến. | Năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT |
| - Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch.  - Có thể giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lí các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề.  - Có thể bày tỏ suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc. |
| Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. |
| Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. |
| *2.2.1.2. Công nghệ thông tin* | Sử dụng thành thạo máy tính với các hệ điều hành và phần mềm ứng dụng phổ biến. | Đạt năng lực chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT |
| Sử dụng thành thạo một số dịch vụ Internet; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại. |
| Biết cách đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và các dịch vụ mạng. |
| Tôn trọng quyền riêng tư, bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm Công nghệ thông tin. |
| Tự học, tự nghiên cứu nhằm thích ứng với sự thay đổi rất nhanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin. |
| ***2.2. Chuẩn năng lực của sinh viên ngành Giáo dục công dân*** | | **Thang đo năng lực** |
| *2.2.1. Tiêu chí 1. Năng lực giáo dục* | Có NL hiểu biết những vấn đề lí luận chung về giáo dục trong nhà trường phổ thông | 1 |
| Có NL vận dụng lí luận giáo dục vào việc tạo lập môi trường giáo dục dân chủ, thân thiện, bình đẳng, hợp tác, sáng tạo trong nhà trường phô thông |
| Có NL vận dụng lí luận giáo dục vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường phổ thông; tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình học tập và hướng nghiệp |
| *2.2.2. Tiêu chí 2. Năng lực dạy học GDCD* | Có kiến thức về GD kinh tế, pháp luật, đạo đức, kĩ năng sống đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo và yêu cầu dạy học môn GDCD | 2 |
| Có NL xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch môn học GDCD, tổ chức quá trình dạy học GDCD |
| Có NL thiết kế, áp dụng được các phương pháp dạy học; khai thác, phát triển học liệu, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học hiệu quả, phù hợp đối tượng |
| Có NL thiết kế, sử dụng được các phương pháp, công cụ đánh giá môn GDCD đúng quy định |
| *2.2.3. Tiêu chí 3. Năng lực phát triển nghề nghiệp* | Có NL nghiên cứu đề tài KHSPƯD nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả GD, dạy học GDCD | 3 |
| Có kiến thức và kĩ năng phát triển chương trình nhà trường môn GDCD |
| Có ý thức không ngừng học tập để nâng cao trình độ dạy học, NCKH môn GDCD |

**3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môi trường**  **làm việc** | **Nghề nghiệp đặc trưng** | | | | |
| Dạy môn GDCD | Dạy các môn Lí luận chính trị | Trở thành cán bộ, viên chức trong các lĩnh vực chính trị - xã hội | Nghiên cứu viên trong lĩnh vực Giáo dục công dân. | Dạy kĩ năng sống |
| Các cơ sở giáo dục và đào tạo | **2** |  |  |  | **1** |
| Các trường TCCN, trường cao đẳng nghề. |  | **1** |  |  |  |
| Các cơ quan bộ máy chính quyền, |  |  | **1** |  |  |
| Các đoàn thể như Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên |  |  | **1** |  |  |
| Các cơ quan báo chí |  |  | **1** |  |  |
| Các viện nghiên cứu |  |  |  | **1** |  |
| Các tổ chức xã hội, trung tâm tư vấn chăm sóc sức khỏe cộng đồng |  |  |  | **1** | **1** |

*Chú giải:*

|  |  |
| --- | --- |
| **2** | Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp |
| **1** | Người học có thể làm được. Người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ) |
|  | Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng |

**4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

Tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) chuyên ngành Lí luận và PP dạy học GDCT, các chuyên ngành Triết học, KTCT, LSĐ, TTHCM....

**5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo**

1. Luật Thủ đô.

2. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố.

4. Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội.

5. Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế xét tặng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”.

6. Unesco.org/Global citizenship education.

7. Chương trình khung giáo dục Đại học, khối ngành Cao đẳng sư phạm Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 10/6/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ GD & ĐT về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

9. Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 7 năm 2007; sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ GD & ĐT.

10. Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT này 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình các môn lí luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

11. Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ gồm 6 bậc dùng cho Việt Nam.

12. Thông tư số 03/2014/TT\_BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc qui định chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Bùi Văn Quân**